

Số: 63 /QĐ-SKHCHN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 8 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-SKHCHN ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ (theo biểu số 1, 2 - Ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh văn phòng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC, C(06).



Nguyễn Việt Dũng

DỰ TOÁN THU - CHI ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số: 63 /QĐ-SKHCN ngày 17 tháng 01 năm 2024
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)



Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng dự toán giao năm 2024	Chi tiết				
			VP Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Viện KHCN TT	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí	1.250.000	1.200.000	50.000	-	-	-
1.1	Lệ phí	60.000	10.000	50.000	-	-	-
-	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	10.000	10.000				
-	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn hợp quy	50.000		50.000			
1.2	Phí	1.190.000	1.190.000	-	-	-	-
-	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000	1.110.000				
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000	60.000				
-	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000	20.000				

TT	Nội dung	Tổng dự toán giao năm 2024	Chi tiết				
			VP Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Viện KHCNTT	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.250.000	1.200.000	50.000	-	-	-
3.1	Lệ phí	60.000	10.000	50.000	-	-	-
-	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bác xạ	10.000	10.000				
-	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn hợp quy	50.000		50.000			
3.2	Phí	1.190.000	1.190.000	-	-	-	-
-	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000	1.110.000				
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000	60.000				
-	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000	20.000				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	358.396.000	56.605.000	14.382.000	5.072.000	270.238.000	12.099.000
I	Chi quản lý hành chính	35.787.000	21.405.000	14.382.000	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	21.121.000	12.953.000	8.168.000	-	-	-
	- Chi từ ngân sách thành phố	18.750.000	11.489.000	7.261.000			
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	2.371.000	1.464.000	907.000			

TT	Nội dung	Tổng dự toán giao năm 2024	Chi tiết				
			VP Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Viện KHCNTT	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.666.000	8.452.000	6.214.000	-	-	-
	- Chi từ ngân sách thành phố	4.005.000	2.376.000	1.629.000			
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	10.661.000	6.076.000	4.585.000			
	<i>Trong đó: chi CNTT theo Nghị quyết 08</i>	10.661.000	6.076.000	4.585.000			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	322.609.000	35.200.000	-	5.072.000	270.238.000	12.099.000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài/dự án nghiên cứu khoa học)	261.554.000				261.554.000	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Sở)	35.200.000	35.200.000	-			
2.3	Kinh phí cấp hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	25.855.000	-		5.072.000	8.684.000	12.099.000
3.1	Kinh phí thường xuyên	10.597.000	-	-	2.212.000	2.192.000	6.193.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	9.342.000			1.981.000	1.947.000	5.414.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.255.000			231.000	245.000	779.000
2.3.2	Kinh phí không thường xuyên	15.258.000	-	-	2.860.000	6.492.000	5.906.000

TT	Nội dung	Tổng dự toán giao năm 2024	Chi tiết				
			VP Số	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Viện KHCNTT	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
	- Chi từ ngân sách thành phố	11.009.000			2.513.000	5.074.000	3.422.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	4.249.000			347.000	1.418.000	2.484.000
	<i>Trong đó: chi TINTT theo Nghị quyết 08</i>	4.249.000			347.000	1.418.000	2.484.000
III	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1020854	1050429	1086105	1126857	1047807
IV	Mã số KBNN nơi giao dịch (TABMIS)		0112			0111	

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Chương: 417

Biểu số 2



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 63 /QĐ-SKHCN ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	1.200.000
1.1	Lệ phí	10.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	10.000
1.2	Phí	1.190.000
	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.200.000
3.1	Lệ phí	10.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	10.000
3.2	Phí	1.190.000
	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	56.605.000
1	Chi quản lý hành chính	21.405.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.953.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	11.489.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.464.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.452.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	2.376.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	6.076.000
	Trong đó: chi CNTT theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	6.076.000

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	35.200.000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài/dự án nghiên cứu khoa học)	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Sở)	35.200.000

Ghi chú: Chi tiết kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên):

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024
	Chi quản lý hành chính	8.452.000
1	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 08/2023/HĐND	6.076.000
2	Chương trình tuyên truyền phổ biến luật SHTT	225.000
3	Hoạt động thanh tra, kiểm tra KH&CN	482.000
4	Tăng cường năng lực cho cán bộ công chức thực thi quyền sở hữu trí tuệ	18.000
5	Trang phục đồng phục	36.000
6	Kinh phí hoạt động thanh tra xử phạt VPHC	267.000
7	Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất	451.000
8	Bảo dưỡng, nâng cấp phương tiện PCCC	63.000
9	Sửa chữa đại tu xe ô tô	89.000
10	Mua sắm tài sản cố định	148.000
	- Máy móc văn phòng (01 máy tính xách tay; 03 máy tính để bàn; 02 máy in)	84.000
	- Thiết bị văn phòng (03 tủ đựng tài liệu; 04 ghế nhân viên)	16.000
	- Máy điều hòa (03 cái loại 1,5HP; 01 cái loại 2HP)	48.000
10	Kinh phí thực hiện kiểm soát TTHC	16.000
11	Kinh phí hoạt động công tác Đảng	135.000
12	Kinh phí hoạt động thu phí, lệ phí	72.000
13	Kinh phí duy trì hoạt động ISO	80.000
14	Hoạt động tuyên truyền phổ biến PL, tăng cường năng lực cho CBCC trong lĩnh vực KH&CN	58.000
15	Trợ cấp thôi việc	150.000
16	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	86.000